

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03/12/2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án lao động thụ lý số: 75/2020/TLST-LĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị Tuyết N, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: thị trấn A, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty A;

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông Đặng Ngọc H, sinh năm: 1960 – Giám đốc đại diện.

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Võ Văn B – nhân viên tổng hợp hành chính;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Địa chỉ: phường M, Tp N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn T – Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Trường V – Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra;

Địa chỉ: phường M, Tp N, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty A, do ông Đặng Ngọc H – Giám đốc đại diện, đồng ý có trách

nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động Bùi Thị Tuyết N với số tiền tính đến tháng 10/2020 là 59.617.721đ (Năm mươi chín triệu sáu trăm mười bảy ngàn bảy trăm hai mươi một đồng); trong đó lãi chậm đóng bảo hiểm là 13.411.946đ (Mười ba triệu bốn trăm mười một ngàn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Số tiền trên còn tiếp tục được tính lãi theo quy định tại Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội, thời gian Công ty A chậm nộp cho chị Bùi Thị Tuyết N.

- Công ty A đồng ý có trách nhiệm trả cho chị Bùi Thị Tuyết N số tiền trợ cấp thôi việc là 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị Bùi Thị Tuyết N nếu Công ty A chưa trả số tiền trên thì hàng tháng Công ty A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty A, do ông Đặng Ngọc B – Giám đốc đại diện, phải chịu số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Minh Trung